

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị L**, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy

ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 10 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau; vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Thời gian vợ chồng cùng chung sống, anh chị không xây dựng kinh tế chung mà độc lập về kinh tế, kinh tế của ai người đó giữ. Anh Đ còn mãi chơi, không chăm lo xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm đến chị. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Gia đình chị đã khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ cũng không thay đổi, tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt và luôn căng thẳng. Vì không thể chịu đựng được cuộc sống vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương nhau nên tháng 9/2018 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã A, TP H sinh sống. Anh chị ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã T xuống tại gia đình anh Đ để làm việc, nhưng anh Đ vắng mặt không có nhà. Bà Nguyễn Thị N là bác của anh Đ cung cấp, anh Đ hiện sáng đi làm tối mới về nhà, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh Đ có mâu thuẫn, to tiếng với nhau về chi tiêu kinh tế gia đình. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh Đ đến tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Đ đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Phạm Văn Đ kết hôn vào năm 2017, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, anh Đ không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh Đ cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị L. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh Đ bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh Đ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị L xin được ly hôn anh Phạm Văn Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Dương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Án phí: Chị Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003818 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Dương Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn